

KIẾN THỨC VỀ VỆ SINH TAY VÀ PHƯƠNG TIỆN PHÒNG HỘ CÁ NHÂN CỦA SINH VIÊN NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM HỌC 2022-2023

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức về vệ sinh tay và phương tiện phòng hộ cá nhân của sinh viên ngành Điều dưỡng tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

Phương pháp nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang. Khảo sát bằng bộ câu hỏi qua 264 sinh viên khối ngành điều dưỡng tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (gồm Điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức và Điều dưỡng chuyên ngành hộ sinh), trong năm học 2022 - 2023.

Kết quả: Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về mục đích rửa tay làm giảm tỷ lệ mắc các nhiễm trùng liên quan đến chăm sóc sức khỏe là 94,7%, tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về thời gian rửa tay thường quy là 56,8%, tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về thời điểm rửa tay là trước và sau khi chăm sóc một người bệnh là 94,7%, tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về mục đích sử dụng phòng hộ cá nhân (PHCN) giúp loại bỏ nguy cơ mắc các bệnh nghề nghiệp là 90,5%, tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về chỉ định sử dụng PHCN khi có nguy cơ tiếp xúc với máu hoặc dịch tiết là 93,6%.

Kết luận: Nhìn chung hơn một nửa số sinh viên có kiến thức đúng về vệ sinh tay và phương tiện phòng hộ cá nhân trong phòng ngừa chuẩn (đều trên 50%).

Từ khoá: Kiến thức, vệ sinh tay, phòng hộ cá nhân, sinh viên điều dưỡng.

KNOWLEDGE OF HAND HYGIENE AND PERSONAL PROTECTIVE EQUIPMENT FOR NURSING STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN HO CHI MINH CITY ACADEMIC YEAR 2022-2023

ABSTRACT

Objective: Describe the knowledge about hand hygiene and Personal Protective Equipment (PPE) of Nursing students at the University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City.

1. Đại Học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh

*Tác giả liên hệ: Đoàn Minh Nhựt

Email: doanminhnhut@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 05/10/2023

Ngày phản biện: 12/10/2023

Ngày duyệt bài: 15/10/2023

Đoàn Minh Nhựt^{1*}, Hứa Nguyễn Bảo Trân¹

Method: Cross-sectional descriptive study design. Survey conducted using a questionnaire among 264 nursing students at the University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City, including General Nursing, Anesthesia Nursing, and Obstetric Nursing, during the academic year 2022-2023.

Results: The proportion of students with accurate knowledge regarding the purpose of handwashing to reduce the incidence of healthcare-associated infections is 94,7%. The percentage of students with accurate knowledge about the recommended duration of handwashing is 56,8%. The rate of students with correct knowledge about the timing of handwashing before and after caring for a patient is 94,7%. The proportion of students with accurate knowledge about the purpose of using personal protective equipment (PPE) to eliminate the risk of occupational diseases is 90,5%. The percentage of students with accurate knowledge regarding the indication for using PPE when at risk of exposure to blood or bodily fluids is 93,6%.

Conclusion: In general, more than half of the students have accurate knowledge about hand hygiene and personal protective equipment for standard prevention (all above 50%).

Key words: Knowledge, Hand Hygiene, and Personal Protective Equipment of Nursing Students

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong lĩnh vực y tế, phòng ngừa chuẩn là hệ thống các biện pháp chính để giảm nguy cơ lây nhiễm và đảm bảo an toàn cho cả nhân viên y tế và bệnh nhân. Thông tin từ Bộ Y Tế chỉ ra rằng phòng ngừa chuẩn giúp phòng ngừa và kiểm soát phơi nhiễm với máu, chất tiết, chất bài tiết (trừ mồ hôi) cho dù không nhìn thấy máu, chất bài tiết qua da không lành lặn và niêm mạc [1]. Nhiều nghiên cứu cũng cho thấy phòng ngừa chuẩn ngoài việc giảm nguy cơ lây nhiễm và bảo vệ sức khỏe cá nhân, còn đóng một vai trò quan trọng trong việc kiểm soát và ngăn chặn sự lây lan của các bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng y tế, làm giảm đáng kể nguy cơ nhiễm khuẩn bệnh viện [2,3]. Điều này làm nổi bật tầm quan trọng của việc đào tạo kiến

thức và thực hành tuân thủ các quy tắc này trong chăm sóc sức khỏe.

Sinh viên ngành Y nói chung hay ngành Điều dưỡng nói riêng khi đi thực tập phải đối mặt với mức nguy cơ lây nhiễm và mắc bệnh đáng kể, đặc biệt khi tiếp xúc trực tiếp với bệnh nhân. Theo WHO, nguy cơ nhiễm virus viêm gan B sau khi phơi nhiễm nghề nghiệp ở nhân viên y tế là 18 - 30% và nhiễm virus viêm gan C là 1,8%. Có tới 40 - 65% NVYT nhiễm viêm gan virus B và viêm gan vi rút C là do phơi nhiễm nghề nghiệp qua đường máu tại các nước đang phát triển[4]. Điều này nhấn mạnh sự quan trọng của việc thực hiện đúng các biện pháp phòng ngừa chuẩn để bảo vệ cả bản thân và bệnh nhân. Ngành Điều dưỡng với vai trò là thành viên của nhóm chăm sóc sức khỏe, sinh viên điều dưỡng được tiếp xúc trực tiếp với bệnh nhân trong quá trình thực hành lâm sàng, do đó việc trang bị kiến thức nhằm giảm thiểu nguy cơ mắc các bệnh nghề nghiệp trong thời gian thực hành lâm sàng cho sinh viên điều dưỡng là điều cần thiết [5].

Hàng năm, tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh có lưu lượng sinh viên ngành Điều dưỡng (gồm Điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức và Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh) được đào tạo là tương đối lớn. Tuy nhiên, các nghiên cứu về vấn đề phòng ngừa chuẩn trên nhóm đối tượng này vẫn chưa có nhiều dữ liệu cập nhật mới. Xuất phát từ thực tế này, mà chúng tôi muốn tiến hành thực hiện đề tài: “Kiến thức phòng ngừa chuẩn của sinh viên khối ngành điều dưỡng tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh”, trong năm học 2022-2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên 264 sinh viên Cử nhân ngành Điều Dưỡng, bậc đại học tại Khoa Điều Dưỡng – Kỹ Thuật Y Học, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, từ tháng 08/2022 đến 06/2023.

Tiêu chuẩn chọn vào: Sinh viên cử nhân ngành Điều dưỡng, bậc đại học đang theo học đang học năm thứ 3 và năm thứ 4 tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, năm học 2022-2023 và đồng ý tham gia nghiên cứu

Tiêu chuẩn loại trừ: sinh viên không hoàn thành bộ câu hỏi khảo sát đầy đủ, phù hợp; sinh viên đang bảo lưu hoặc không đồng ý tham gia nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu: tính theo công thức

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

α : mức ý nghĩa thống kê ($\alpha = 0,05$)

Z: trị số phân phối chuẩn với độ tin cậy 95%

p: tỷ lệ ước lượng (Theo Võ Văn Tân và cộng sự tỷ lệ điều dưỡng có kiến thức đúng về phòng ngừa chuẩn đạt 78,7%) [6].

d: sai số tối đa cho phép của ước lượng ($d = 0,05$)

Thay số vào ta có cỡ mẫu được tính được $n = 264$

Chọn mẫu

Chúng tôi tiến hành phương pháp chọn mẫu phân tầng theo ngành và năm học, kết hợp với chọn mẫu ngẫu nhiên. Chọn 264 sinh viên thuộc khóa 2019-2023 (129 sinh viên), 2020-2024 (135 sinh viên) của các lớp gồm: Điều dưỡng (115 sinh viên), Điều dưỡng chuyên ngành hộ sinh (78 sinh viên) và Điều dưỡng chuyên gây mê hồi sức (71 sinh viên).

Công cụ thu thập số liệu

Công cụ thu thập số liệu là bộ câu hỏi kiến thức phòng ngừa chuẩn của sinh viên của tác giả Lê Thị Nga (2016) trong nghiên cứu “Kiến thức thái độ về các biện pháp phòng ngừa chuẩn của sinh viên tại Đại học Y Hà Nội” [7]. Bộ câu hỏi được đánh giá độ tin cậy Cronbach's alpha là 0,88. Nội dung trong bộ câu hỏi có 71 câu trong 10 phần (trong đó có một phần về thông tin cá nhân sinh viên và chín phần về nội dung phòng ngừa chuẩn). Với mỗi câu hỏi đúng được 01 điểm, sai ghi 0 điểm. Kiến thức của sinh viên được tính là đạt khi sinh viên có tỷ lệ trả lời đúng trên 70% tổng số câu hỏi về kiến thức phòng ngừa chuẩn.

Phương pháp thống kê

Nhập dữ liệu bằng phần mềm Epidata Entry Client. Phân tích số liệu bằng phần mềm STATA 17.0. Sử dụng tần số, tỷ lệ % mô tả cho biến định tính. Phân tích hồi quy logistic đơn biến và đa biến được sử dụng để xác định một số yếu tố liên quan. Mối liên quan có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$;

2.3. Vấn đề đạo đức: Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học Đại học Y dược TP.Hồ Chí Minh, số 1055/HĐĐĐ-DHYD ngày 09/12/2022.

Kinh phí: Nghiên cứu được thực hiện với sự tài trợ kinh phí từ Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

III. KẾT QUẢ

Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Rửa tay giảm thiểu các vi sinh vật gây hại có trên tay bẩn (Đ)	254	96,2
Rửa tay làm giảm tỷ lệ mắc các nhiễm trùng liên quan đến chăm sóc sức khỏe (Đ)	250	94,7

Bảng 1. Kiến thức đúng về mục đích của rửa tay trong phòng ngừa chuẩn

Trong phần kiến thức về mục đích rửa tay thì hầu hết sinh viên tham gia nghiên cứu đều trả lời đúng, chiếm tỷ lệ rất cao (trên 90%); cụ thể là nội dung rửa tay giúp giảm thiểu các vi sinh vật gây hại trên tay bẩn và rửa tay làm giảm tỷ lệ mắc các nhiễm trùng có tỷ lệ trả lời đúng lần lượt là 96,2% và 94,7%.

Bảng 2. Kiến thức về kỹ thuật rửa tay trong phòng ngừa chuẩn

Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Rửa tay thường quy bao gồm rửa cả bàn tay và cổ tay (Đ)	153	58,0
Trong rửa tay thường quy, thời gian tối thiểu là từ 40- 60 giây (Đ)	150	56,8
Trong rửa tay thường quy, thời gian tối thiểu nên dưới 15 giây (S)	237	89,8
Trong rửa tay thường quy, thời gian tối thiểu là 20-30 giây (S)	80	30,3
Trong rửa tay tiêu chuẩn, thời gian tối thiểu phải là hình thức 10 -15 giây (S)	197	74,6

Kết quả của nội dung kiến thức về kỹ thuật rửa tay cho thấy: gần như trong năm vấn đề được đưa ra câu hỏi thì hầu hết bốn câu đều có số lượng tỷ lệ trả lời đúng là hơn một nửa (>50%). Tuy nhiên, khi đánh giá nội dung chưa chính xác về thời gian tối thiểu trong rửa tay thường quy là 20-30 giây thì chỉ có 30,3% sinh viên phát hiện ra.

Bảng 3. Kiến thức về các chỉ định của rửa tay

Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Rửa tay được chỉ định giữa các thủ thuật và quy trình trên cùng một bệnh nhân (S)	61	23,1
Rửa tay được chỉ định sau khi tháo găng (Đ)	213	80,7
Rửa tay là cần thiết với những bệnh nhân có bệnh nhiễm trùng đường hô hấp (Đ)	108	40,9
Rửa tay được khuyến cáo trước và sau khi chăm sóc một bệnh nhân (Đ)	249	94,3
Rửa tay được khuyến khích giữa những lần tiếp xúc với bệnh nhân (Đ)	228	86,4
Rửa tay được khuyến khích sau khi tháo bỏ găng tay (Đ)	245	92,8
Rửa tay được khuyến khích giữa các thủ thuật cho cùng một bệnh nhân (Đ)	247	93,6

Nhìn chung thì thấy có sự biến động mạnh về tỉ lệ sinh viên trả lời đúng ở kiến thức về các chỉ định của rửa tay. Hầu hết tất cả sinh viên trả lời đúng về việc rửa tay được khuyến cáo trước và sau khi chăm sóc một bệnh nhân (94,3%). Các nội dung còn lại thì chiếm tỉ lệ khá cao (trên 80%). Đáng chú ý là hai nội dung có tỉ lệ trả lời đúng thấp nhất thuộc về: Sự cần thiết về rửa tay trên những bệnh nhân có bệnh nhiễm trùng đường hô hấp (40,9%) và chỉ định giữa các thủ thuật và quy trình trên cùng một bệnh nhân chỉ chiếm 23,1%.

Bảng 4. Kiến thức về lựa chọn các biện pháp và phương tiện vệ sinh bàn tay

Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Dung dịch rửa tay chứa cồn thay thế cho xà phòng rửa tay ngay cả khi tay bị bẩn (S)	180	68,2
Sử dụng găng tay thay thế cho việc rửa tay thường quy (S)	229	86,7
Dung dịch rửa tay chứa cồn được thay thế cho rửa tay ngoại khoa trong 3 phút (Đ)	86	32,6
Dung dịch rửa tay chứa cồn được thay thế cho dung dịch rửa tay chứa chất sát khuẩn trong 30s (Đ)	194	73,5
Dung dịch rửa tay chứa cồn được thay thế dung dịch rửa tay bằng xà phòng trong vòng 30s (Đ)	151	57,2

Trong số các câu hỏi về việc lựa chọn các biện pháp và phương tiện vệ sinh bàn tay, sử dụng găng tay thay thế cho việc rửa tay thường quy chiếm tỉ lệ cao nhất (86,7%). Trái ngược lại với nội dung vừa được nhắc đến, tỉ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu trả lời đúng về việc sử dụng dung dịch rửa tay chứa cồn được thay thế cho rửa tay ngoại khoa trong 3 phút chỉ chiếm tỉ lệ thấp (32,6%).

Kiến thức về phòng hộ cá nhân

Bảng 5. Kiến thức về mục đích của phòng hộ cá nhân

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Sử dụng PHCN loại bỏ nguy cơ mắc các bệnh nghề nghiệp (Đ).	239	90,5
PHCN như khẩu trang và mũ cung cấp các hàng rào bảo vệ chống lại nhiễm trùng (S)	65	24,6

Kết quả bảng trên cho thấy: Phần lớn sinh viên tham gia nghiên cứu đều có kiến thức đúng về việc sử dụng phòng hộ cá nhân giúp loại bỏ nguy cơ mắc các bệnh nghề nghiệp (90,5%). Tuy nhiên, nội dung nhận định mục đích của việc dùng phòng hộ cá nhân để chống lại nhiễm trùng thì tỷ lệ trả lời đúng lại thấp đi nhiều so với các nội dung trước (chỉ chiếm 24,6%).

Bảng 6. Kiến thức về các phương tiện phòng hộ cá nhân

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Phương tiện PHCN đã qua sử dụng có thể bỏ qua xử lí bằng hệ thống trước khi thải ra ngoài (S).	186	70,5
Chất liệu khẩu trang có khả năng bảo vệ tốt nhất là chất liệu cotton (S).	136	51,5

Trong kiến thức về phương tiện phòng hộ cá nhân thì ở nội dung chất liệu khẩu trang có khả năng bảo vệ tốt nhất là chất liệu cotton có tỷ lệ trả lời đúng hơn một phân nửa số sinh viên được nghiên cứu

(51,5%). Bên cạnh đó nội dung về kiến thức xử trí phương tiện phòng hộ cá nhân đã qua sử dụng có tỷ lệ trả đúng cũng khá cao (70,5%).

Bảng 7. Kiến thức về chỉ định của các phương tiện PHCN

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
PHCN nên được áp dụng chỉ khi có tiếp xúc với máu (Đ).	98	37,1
Găng tay được khuyến khích sử dụng cho mỗi thủ thuật (Đ).	227	86,0
PHCN khuyến nghị sử dụng găng khi có nguy cơ tiếp xúc với máu hoặc dịch tiết (Đ)	247	93,6
Khi có nguy cơ bị bắn máu và dịch tiết, NVYT phải đeo khẩu trang, kính bảo hộ và áo choàng (Đ).	251	95,1
Sử dụng găng tay: khi NVYT có một tổn thương ở da (Đ).	242	91,7
Găng tay nên được thay đổi giữa các thủ thuật khác nhau trên cùng NB (Đ)	230	87,1

Trong nội dung kiến thức về chỉ định các phương tiện phòng hộ cá nhân thì nhìn chung thì tỷ lệ sinh viên trả lời đúng ở các mục đều trên 50%. Trong đó, ở nội dung là khi có nguy cơ bị bắn máu và dịch tiết, NVYT phải đeo khẩu trang, kính bảo hộ và áo choàng chiếm tỷ lệ cao nhất (95,1%). Tuy nhiên, ở hai nội dung là dùng găng khi có nguy cơ bị cắt/kim đâm vào tay và phòng hộ cá nhân nên được áp dụng chỉ khi có tiếp xúc với máu thì lại có tỷ lệ thấp đi nhiều so với các nội dung còn lại, lần lượt là 26,1% và 37,1%.

IV. BÀN LUẬN

Kiến thức về vệ sinh tay

Theo WHO (2009) VST là nền tảng trong việc phòng chống nhiễm trùng và kiểm soát nhiễm khuẩn [8]. Vệ sinh tay hiện nay được coi là một trong những yếu tố quan trọng nhất của phòng ngừa chuẩn [9]. Trong nghiên cứu này, nội dung về vệ sinh tay được xây dựng dựa trên bốn mục đích chính yếu là về mục đích của rửa tay, kỹ thuật rửa tay, chỉ định của rửa tay, sau cùng là kiến thức về lựa chọn các biện pháp và phương tiện vệ sinh bàn tay xuyên suốt với 19 câu hỏi.

Trong phần mục đích của việc rửa tay, tỷ lệ sinh viên trả lời đúng hai câu hỏi về việc “rửa tay giảm thiểu các vi sinh vật gây hại có trên tay bẩn” và “rửa tay làm giảm tỷ lệ mắc các nhiễm trùng liên quan đến chăm sóc sức khỏe” hầu như chiếm tỷ lệ tuyệt đối (đều trên 94%). Đây quả là một kết quả đáng mong đợi, vì hầu hết các bạn sinh viên đều nhận thức rõ được mục đích chính của việc rửa tay là dùng để làm gì và cụ thể hơn là cắt đứt đường lây truyền của vi khuẩn qua bàn tay [10]. Kết quả này tương đồng với nhiều tác giả trong nước (92,6%-99%) [8,11,12]. Tiếp đến là kiến thức về kỹ thuật rửa tay, ở phần này nội dung xoay quanh về vấn đề thời gian của việc rửa tay, tỷ lệ phần trăm số lượng sinh viên trả lời đúng nhìn chung đều đạt trên 1/3 tổng số sinh viên tham gia nghiên cứu. Trong đó, số sinh viên trả lời đúng thấp nhất với tỷ lệ 30,3% là câu hỏi với nội dung “trong rửa tay thường quy, thời

gian tối thiểu là 20-30 giây” và dẫn đầu là tỷ lệ sinh viên trả lời đúng về việc “trong rửa tay thường quy, thời gian tối thiểu nên dưới 15 giây” (89,9%). Với các câu hỏi còn lại nhìn chung chiếm hơn một nửa sinh viên trả lời đúng. Kết quả tương tự với kết quả nghiên cứu của tác giả Lê Thị Nga vào năm 2016 với hai tỷ lệ lần lượt là 50% và 84,5% [7]. Sinh viên vẫn thực hiện việc rửa tay nhưng ít khi học chú ý đến thời gian rửa tay để đạt được hiệu quả nhất.

Kiến thức về các chỉ định của rửa tay, hầu hết số sinh viên tham gia khảo sát có câu trả lời đúng (> 90%) nhưng bên cạnh đó vẫn có thiếu sót một bộ phận sinh viên trả lời chưa đúng về “rửa tay được chỉ định giữa các thủ thuật và quy trình trên cùng một bệnh nhân” (23,1%). Theo nghiên cứu của tác giả Lê Thị Nga vào năm 2016, tác giả cũng đã chỉ ra được với câu hỏi có cùng nội dung trên thì tỷ lệ số sinh viên tham gia nghiên cứu trả lời đúng câu hỏi này cũng đạt tỷ lệ thấp nhất với 27,4% [7]. Có được kết quả về kiến thức ở nội dung này tương đối đều nhau hầu như là do các sinh viên đều được phổ cập, giảng dạy trong môn học về Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành nghề nghiệp, Điều dưỡng cơ sở hoặc là trong thời gian thực hành lâm sàng các sinh viên có thêm điều kiện để tiếp xúc với các poster trong thang máy bệnh viện, các đoạn clip ngắn để tuyên truyền và thậm chí là được tham gia các buổi học ngắn hạn về việc kiểm soát nhiễm khuẩn.

Các kiến thức về lựa chọn các biện pháp và phương tiện vệ sinh bàn tay cụ thể là sử dụng các dung dịch chứa cồn thay thế chưa được cung cấp hay nhắc đến thường xuyên do đó kiến thức về nội dung này chưa đạt tỷ lệ trả lời đúng cao, theo kết quả ghi nhận được có hơn 1/3 số sinh viên trả lời đúng cho nội dung “dung dịch rửa tay chứa cồn được thay thế cho rửa tay ngoại khoa trong 3 phút”. Kết quả trên phù hợp với nghiên cứu của tác giả Lê Thị Nga vào năm 2016 [7].

Kiến thức về sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân.

Sử dụng phương tiện phòng hộ trong hoạt động y tế là một yêu cầu rất cấp thiết. Có tất cả 24 câu hỏi về nội dung về kiến thức sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân, với 3 mục đích chính bao gồm: mục đích, phương tiện và chỉ định sử dụng các phương tiện phòng hộ cá nhân.

Trong nghiên cứu, sinh viên đưa ra câu trả lời đúng khá cao ở phần kiến thức về mục đích của PHCN cụ thể là trên 90%, tương tự với nghiên cứu của tác giả Lê Thị Nga vào năm 2016 [7] và nghiên cứu của tác giả Mn. Huson Amin Ghalya, Prof. Yousreya Ibrahim có tỷ lệ cao hơn là 98,8% [9]. Có được kết quả này là do sinh viên đều được tham gia khóa học lý thuyết và thực hành ở những năm học trước hoặc là được sự chỉ dạy của các anh chị khóa trên trong quá trình thực hành lâm sàng của mình. Có hơn 70% số sinh viên trả lời đúng về việc xử lý phương tiện PHCN đã qua sử dụng trước khi thải ra môi trường. Tỷ lệ này cao hơn so 10% so với kết quả nghiên cứu vào năm 2016 của tác giả Lê Thị Nga (63,3%) [7].

Ở nội dung kiến thức về chỉ định sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân thì có 26,1% là tỷ lệ chiếm thấp nhất trong mục này với nội dung câu hỏi “dùng găng khi có nguy cơ bị cắt/kim đâm vào tay”. Kết quả này khá tương đồng với nhiều tác giả khác trong nước [7,8,10]. Phương tiện phòng hộ ngoài chức năng bảo vệ NVYT khi thực hành chuyên môn còn có vị trí đặc biệt quan trọng đảm bảo an toàn cho người bệnh. Do nhận thức được sự nguy hiểm cũng như phơi nhiễm với máu và dịch tiết trong quá trình thực hành lâm sàng, nên bệnh viện và nhà trường kết hợp cùng nhau tạo nên các khóa học kiểm soát nhiễm khuẩn ngắn hạn nhằm củng cố cũng như nâng cao kiến thức về phương tiện phòng hộ cá nhân cho các sinh viên đang theo học tại ngành điều dưỡng nói riêng và sinh viên toàn trường cũng như nhân viên y tế nói chung.

V. KẾT LUẬN

Trong tổng số sinh viên tham gia nghiên cứu thì có hơn một nửa số sinh viên có kiến thức đúng về vệ sinh tay và phương tiện phòng hộ cá nhân trong phòng ngừa chuẩn (đều trên 50%). Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng

về vệ sinh tay là 60%. Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về phương tiện phòng hộ cá nhân là 70%.

Nhóm nghiên cứu xin cảm ơn Đại Học Y Dược TP. Hồ Chí Minh đã tài trợ kinh phí cho nghiên cứu và xuất bản bài báo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Bộ Y tế (2012)**, Quyết định số: 3671/QĐ – BYT, ngày 27/9/2012, Hướng dẫn phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh.
- 2. A. Khubrani, M. Albeshar, A. Alkahtani et al. (2018)** “Knowledge and information sources on standard precautions and infection control of health sciences students at King Saud bin Abdulaziz University for Health Sciences, Saudi Arabia, Riyadh”. *J Infect Public Health*, 11(4), 546-549.
- 3. Mehta Y, Gupta A, Todi S, Myatra S, Samad-dar DP, Patil V, Bhattacharya PK, Ramasubban S. Guidelines for prevention of hospital acquired infections. Indian J Crit Care Med.** 2014 Mar;18(3):149-63. doi: 10.4103/0972-5229.128705. PMID: 24701065; PMCID: PMC3963198.
- 4. ILO-WHO (2014)**, “Health WISE Action Manual - Work Improvement in Health Services”, International Labour Organization.
- 5. A Zeb, D Muhammad, A Khan (2019)**, “Factors Affecting Nurses’ Compliance to Standard Precautions in Resource Scarce Settings”. *American Journal of Biomedical Science & Research*, 4 (5), 384-389
- 6. Võ Văn Tân (2011)** “Kiến thức phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng và các yếu tố môi trường liên quan đến kiểm soát nhiễm trùng bệnh viện”. *Tạp chí Y Học Thành phố Hồ Chí Minh*, 15 (4), tr 214 -220.
- 7. Lê Thị Nga (2016)** “Kiến thức thái độ về các biện pháp phòng ngừa chuẩn của sinh viên tại Đại học Y Hà Nội “. *Khóa luận tốt nghiệp. Trường Đại học Y Hà Nội*.
- 8. A.G and Yousreya I (2014)**. Knowledge, Attitudes and Sources of Information among Nursing Students toward Infection Control and Standard Precautions. *Life Science Journal*, 11, 249-260.
- 9. Ngọc Sao N, Viêt Long Đỗ, Phúc Phóng N, Thị Thu Hiền N (2022)**. “Thực trạng và các yếu tố liên quan đến thực hành sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân và vệ sinh tay trong khám chữa bệnh người bệnh nghi ngờ covid -19. *Tạp chí Y Học Việt Nam*, 516 (1).
- 10. Nguyễn Trường Sơn (2022)** “Kiến thức về một số biện pháp phòng ngừa chuẩn của sinh viên đại học chính quy khóa 15 Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định”. *Tạp Chí Y học Việt Nam*, 516 (1).